



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT

ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436

ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
Ông Vũ Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Xuân Trình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12/11/2024)
Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đoàn Văn Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu, Phường Năng Tĩnh
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Các điều kiện và sự kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính riêng.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Nam Định, ngày 31 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00250-25-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Quốc Khánh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 5594-2025-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		331.627.772.297	418.782.533.167
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		24.147.782.192	2.791.705.965
Tiền	111	5	24.147.782.192	2.791.705.965
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.012.000.438	22.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	24.012.000.438	22.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172.853.289.394	163.866.197.904
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	165.160.284.196	160.928.388.168
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.558.481.054	2.959.769.582
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		200.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	11.441.581.678	9.638.318.620
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(6.507.057.534)	(9.660.278.466)
Hàng tồn kho	140	10	108.597.745.811	229.598.026.614
Hàng tồn kho	141		116.199.168.310	242.369.096.308
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.601.422.499)	(12.771.069.694)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.016.954.462	326.602.684
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	1.386.164.779	326.602.684
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		558.522.166	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	72.267.517	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		538.630.799.025	602.820.513.819
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.257.082.133	1.514.527.334
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	7.457.082.133	4.714.527.334
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Tài sản cố định	220		439.104.587.016	504.376.929.135
Tài sản cố định hữu hình	221	11	422.746.574.499	483.159.141.959
<i>Nguyên giá</i>	222		964.988.979.902	1.023.564.312.208
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(542.242.405.403)	(540.405.170.249)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	15.475.363.622	21.091.787.176
<i>Nguyên giá</i>	225		19.785.906.253	30.680.191.724
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4.310.542.631)	(9.588.404.548)
Tài sản cố định vô hình	227	13	882.648.895	126.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		1.517.544.000	660.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(634.895.105)	(534.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	14	4.054.402.410	4.548.915.042
<i>Nguyên giá</i>	231		12.378.939.809	12.378.939.809
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(8.324.537.399)	(7.830.024.767)
Tài sản dở dang dài hạn	240		18.166.093.664	17.853.601.700
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	18.166.093.664	17.853.601.700
Đầu tư tài chính dài hạn	250		64.494.416.520	63.683.209.426
Đầu tư vào công ty con	251	6(b)	21.508.979.633	17.518.479.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	38.741.000.000	41.816.174.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	2.744.436.887	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	1.500.000.000	3.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		8.554.217.282	10.843.331.182
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	8.554.217.282	10.843.331.182
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		870.258.571.322	1.021.603.046.986

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		820.891.433.844	892.264.459.474
Nợ ngắn hạn	310		559.930.952.051	589.909.188.127
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	49.466.894.908	90.854.480.888
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.906.574.387	823.053.022
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	19.952.486	1.044.384.314
Phải trả người lao động	314		4.825.614.050	3.551.261.349
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.466.956.648	2.702.630.248
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	7.505.593.285	7.358.900.067
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21(a)	491.739.366.287	483.574.478.239
Nợ dài hạn	330		260.960.481.793	302.355.271.347
Phải trả dài hạn khác	337		119.423.822	831.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21(b)	260.841.057.971	301.523.347.525
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		49.367.137.478	129.338.587.512
Vốn chủ sở hữu	410	22	49.367.137.478	129.338.587.512
Vốn cổ phần	411	23	156.399.760.000	156.399.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.399.760.000	156.399.760.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	92.139.112.037	92.139.112.037
Lỗi lũy kế	421		(199.171.734.559)	(119.200.284.525)
- (Lỗi lũy kế)/LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(119.200.284.525)	16.165.519.466
- Lỗi năm nay	421b		(79.971.450.034)	(135.365.803.991)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		870.258.571.322	1.021.603.046.986

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:


 Nguyễn Thị Kim Oanh
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Đinh Thị Thu Hường
 Kế toán trưởng


 Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.229.737.300.627	1.331.783.434.392
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.229.167.001.696	1.372.735.662.892
Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		570.298.931	(40.952.228.500)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	31.830.717.797	37.822.399.713
Chi phí tài chính	22	29	79.115.631.373	93.747.394.926
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.155.805.726	59.178.200.043
Chi phí bán hàng	25	30	14.155.474.434	13.099.983.257
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	24.984.457.882	26.584.133.524
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(85.854.546.961)	(136.561.340.494)
Thu nhập khác	31	32	6.185.240.286	1.245.304.047
Chi phí khác	32		302.143.359	49.767.544
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.883.096.927	1.195.536.503
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(79.971.450.034)	(135.365.803.991)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		(79.971.450.034)	(135.365.803.991)

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:


 Nguyễn Thị Kim Oanh
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Đinh Thị Thu Hường
 Kế toán trưởng


 Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(79.971.450.034)	(135.365.803.991)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		55.177.576.799	56.626.584.837
Các khoản dự phòng	03		(8.322.868.127)	(21.658.087.345)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		12.261.541.190	5.603.255.006
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.698.112.848)	(5.361.534.294)
Chi phí lãi vay	06		57.155.805.726	59.178.200.043
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		19.602.492.706	(40.977.385.744)
Biến động các khoản phải thu	09		(3.621.041.194)	44.584.902.594
Biến động hàng tồn kho	10		126.169.927.998	115.129.413.250
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(30.112.354.308)	(58.651.184.808)
Biến động chi phí trả trước	12		(976.336.215)	(247.893.676)
			111.062.688.987	59.837.851.616
Tiền lãi vay đã trả	14		(56.085.391.468)	(54.168.724.499)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(939.209.698)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(666.672.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54.038.087.821	5.002.454.373
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.395.915.270)	(38.629.743.478)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		19.558.558.108	14.306.171.277
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.700.000.000)	(1.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.500.000.000	1.200.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		10.279.490.000	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.392.095.963	6.304.452.633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.634.228.801	(18.019.119.568)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		987.761.518.359	1.178.349.715.355
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.029.894.744.995)	(1.160.471.112.063)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4.186.831.887)	(4.440.114.843)
Tiền trả cổ tức	36		(12.485.000)	(3.709.330.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(46.332.543.523)	9.729.158.449
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		21.339.773.099	(3.287.506.746)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.791.705.965	5.797.104.002
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		16.303.128	282.108.709
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	24.147.782.192	2.791.705.965

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:


 Nguyễn Thị Kim Oanh
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Đinh Thị Thu Hường
 Kế toán trưởng


 Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 4 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2024: 4 công ty con và 4 công ty liên kết), được liệt kê tại Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 569 nhân viên (1/1/2024: 920 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tổng Công ty có khoản lỗ thuần sau thuế trước hợp nhất trong năm là 79.971 triệu VND (2023: 135.366 triệu VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 228.303 triệu VND (1/1/2024: 171.127 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 21(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ của Tổng Công ty tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 63 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 30 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
-----------	------------

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định pháp luật hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Bán cổ phần của các công ty con và công ty liên kết

Theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT-DMNĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty thống nhất thông qua việc thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần May IV - Dệt May Nam Định, Công ty Cổ phần May 1 - Dệt May Nam Định và Công ty Cổ phần May 5 - Dệt May Nam Định.

Trong năm 2024, Tổng Công ty hoàn thành việc bán cổ phần của các công ty con và công ty liên kết nêu trên như sau:

- Bán 27,46 % vốn cổ phần của Công ty Cổ phần May IV - Dệt May Nam Định. Theo đó, công ty con này trở thành công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 6(b).
- Bán 26,00 % vốn cổ phần của Công ty Cổ phần May 1 - Dệt May Nam Định. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết này trở thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như được trình bày tại Thuyết minh 6(b).
- Bán 26,00 % vốn cổ phần của Công ty Cổ phần May 5 - Dệt May Nam Định. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết này trở thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như được trình bày tại Thuyết minh 6(b).

5. Tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	1.055.917.811	1.409.818.540
Tiền gửi ngân hàng	23.091.864.381	1.381.887.425
	24.147.782.192	2.791.705.965

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	24.012.000.438	(*)	22.200.000.000	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
Trái phiếu (ii)	1.500.000.000	(*)	3.000.000.000	(*)

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng, hưởng lãi suất dao động từ 4,2% đến 7%/năm (1/1/2024: từ 4,8% đến 7%/năm).
- (ii) Khoản trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2029 và hưởng lãi suất 4,2%/năm (1/1/2024: 4,7%/năm).
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024				1/1/2024			
	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con								
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	283.620	52,52%	2.876.479.633	(*)	283.620	52,52%	2.876.479.633	(*)
• Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định	500.000	100,00%	5.000.000.000	(*)	500.000	100,00%	5.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	563.250	62,58%	5.632.500.000	(*)	563.250	62,58%	5.632.500.000	(*)
• Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định (i)	800.000	100,00%	8.000.000.000	(*)	-	-	-	(*)
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định (ii)	-	-	-	-	400.950	53,46%	4.009.500.000	(*)
			21.508.979.633				17.518.479.633	
Công liên kết								
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	2.532.584	36,92%	23.000.000.000	(*)	2.532.584	36,92%	23.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.379.100	45,97%	13.791.000.000	(*)	1.379.100	45,97%	13.791.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định (ii)	195.000	26,00%	1.950.000.000	(*)	-	-	-	(*)
• Công ty Cổ phần May 1 Dệt May Nam Định (ii)	-	-	-	-	304.517	36,00%	3.045.174.793	(*)
• Công ty Cổ phần May 5 Dệt May Nam Định (ii)	-	-	-	-	198.000	36,00%	1.980.000.000	(*)
			38.741.000.000				41.816.174.793	
Đơn vị khác								
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	107.079	0,002%	1.348.555.000	4.047.586.200	107.079	0,002%	1.348.555.000	2.901.840.900
• Công ty Cổ phần May 1 Dệt May Nam Định (ii)	75.000	10,00%	845.881.887	(*)	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần May 5 Dệt May Nam Định (ii)	55.000	10,00%	550.000.000	(*)	-	-	-	-
			2.744.436.887				1.348.555.000	

- (i) Theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT-DMNĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty thống nhất thông qua việc thành lập Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định do Tổng Công ty là Chủ sở hữu.
- (ii) Theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT-DMNĐ ngày 3 tháng 10 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty thống nhất thoái vốn của Tổng Công ty tại các công ty này (Thuyết minh 4).
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	4.545.766.810	11.114.747.402
Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định	158.910.117	900.806.538
Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định	12.981.063.036	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	65.349.099.041	84.918.702.921
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	103.588.738	240.371.733
Bên khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	14.220.742.775	6.813.664.110
Shanta Expressions Ltd	10.886.741.520	-
Islam Knit Designs Ltd	8.249.956.740	-
Các khách hàng khác	48.664.415.419	56.940.095.464
	165.160.284.196	160.928.388.168

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có tài sản đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất là 6,9%/năm (1/1/2024: 8,7%/năm) khi quá hạn.

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải thu các công ty con và công ty liên kết	5.415.168.000	-
Phải thu công ty con về tiền trả hộ lương nhân viên	3.325.919.106	-
Phải thu các công ty con và công ty liên kết về tiền đất cho thuê	2.062.927.258	2.739.104.281
Ký cược, ký quỹ	152.907.000	3.699.247.000
Phải thu Kho bạc Nhà nước	-	2.448.642.181
Phải thu khác	484.660.314	751.325.158
	11.441.581.678	9.638.318.620

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định	769.046.984	1.249.738.037
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	1.422.736.511	1.169.610.199
Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định	3.496.772.442	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	5.065.168.000	-
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	50.290.427	319.756.045
	10.804.014.364	2.739.104.281

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ký quỹ, ký cược	3.278.379.000	-
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	978.703.133	1.514.527.334
	7.457.082.133	4.714.527.334

(*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng (Thuyết minh 9).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2024				1/1/2024			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vĩn	Trên 5 năm	4.924.999.999	(4.924.999.999)	-	Trên 4 năm	4.924.999.999	(4.924.999.999)	-
Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam	Trên 6 năm	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-	Trên 5 năm	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt		-	-	-	Trên 4 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Các đối tượng khác		-	-	-	Từ 1 - 2 năm	18.089.415	(9.044.708)	9.044.707
Các đối tượng khác	Từ 2 - 3 năm	539.789.728	(377.852.810)	161.936.918	Từ 2 - 3 năm	571.841.703	(400.289.192)	171.552.511
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	1.204.204.725	(1.204.204.725)	-	Trên 3 năm	1.442.885.202	(1.442.885.202)	-
		9.868.994.452	(9.707.057.534)	161.936.918		13.040.875.684	(12.860.278.466)	180.597.218
Trong đó:								
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(6.507.057.534)				(9.660.278.466)	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			(3.200.000.000)				(3.200.000.000)	
			(9.707.057.534)				(12.860.278.466)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.025.160.459	(3.106.905.342)	23.598.213.789	(537.824.343)
Nguyên vật liệu	36.201.943.941	(4.494.517.157)	78.775.389.965	(1.795.361.408)
Công cụ và dụng cụ	30.671.639	-	87.146.250	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.926.197.225	-	5.604.280.479	(127.726.551)
Thành phẩm	25.821.552.656	-	108.389.434.240	(10.252.669.652)
Hàng hóa	16.898.100.247	-	25.914.631.585	(57.487.740)
Hàng gửi bán	7.295.542.143	-	-	-
	116.199.168.310	(7.601.422.499)	242.369.096.308	(12.771.069.694)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	319.798.061.699	657.648.350.344	42.593.317.343	3.524.582.822	1.023.564.312.208
Tăng trong năm	-	584.543.943	-	-	584.543.943
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	190.740.741	-	190.740.741
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	10.894.285.471	-	-	10.894.285.471
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	2.205.888.020	-	-	2.205.888.020
Thanh lý cho công ty con	(20.356.263.217)	(16.405.225.376)	(1.939.472.707)	(931.607.758)	(39.632.569.058)
Thanh lý cho bên khác	-	(32.221.762.665)	(564.029.258)	(32.429.500)	(32.818.221.423)
Số dư cuối năm	299.441.798.482	622.706.079.737	40.280.556.119	2.560.545.564	964.988.979.902
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	132.097.282.347	378.035.062.203	28.081.580.900	2.191.244.799	540.405.170.249
Khấu hao trong năm	13.586.708.314	35.762.964.776	3.321.965.664	227.995.484	52.899.634.238
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	6.960.396.741	-	-	6.960.396.741
Thanh lý cho công ty con	(8.886.620.248)	(15.150.032.502)	(1.591.839.834)	(250.137.091)	(25.878.629.675)
Thanh lý cho bên khác	-	(31.547.707.392)	(564.029.258)	(32.429.500)	(32.144.166.150)
Số dư cuối năm	136.797.370.413	374.060.683.826	29.247.677.472	2.136.673.692	542.242.405.403
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	187.700.779.352	279.613.288.141	14.511.736.443	1.333.338.023	483.159.141.959
Số dư cuối năm	162.644.428.069	248.645.395.911	11.032.878.647	423.871.872	422.746.574.499

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 219.423 triệu VND (1/1/2024: 253.546 triệu VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 383.873 triệu VND (1/1/2024: 410.949 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 21).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	30.680.191.724
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.894.285.471)
Số dư cuối năm	19.785.906.253
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	9.588.404.548
Khấu hao trong năm	1.682.534.824
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.960.396.741)
Số dư cuối năm	4.310.542.631
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	21.091.787.176
Số dư cuối năm	15.475.363.622

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	660.000.000
Tăng trong năm	382.544.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	475.000.000
Số dư cuối năm	1.517.544.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	534.000.000
Khấu hao trong năm	100.895.105
Số dư cuối năm	634.895.105
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	126.000.000
Số dư cuối năm	882.648.895

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.830.024.767
Khấu hao trong năm	494.512.632
Số dư cuối năm	8.324.537.399
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.548.915.042
Số dư cuối năm	4.054.402.410

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	17.853.601.700	36.266.360.950
Tăng trong năm	978.232.705	31.646.533.327
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(190.740.741)	(45.971.079.057)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(475.000.000)	-
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	-	(1.254.997.201)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(68.888.515)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.701.851.077)
Thanh lý	-	(1.051.500.000)
Xóa sổ	-	(10.976.727)
Số dư cuối năm	18.166.093.664	17.853.601.700

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
San nền và giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Hòa Xá (*)	12.840.234.565	12.840.234.565
Dự án Nhà máy May Yên Bình (**)	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	312.491.964	-
Số dư cuối năm	18.166.093.664	17.853.601.700

(*) Đây là chi phí thực hiện san nền và giải phóng mặt bằng lô đất số S1, S2 và một phần lô S3, S4, S5, S7 ở Khu Công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định. Theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định, Tổng Công ty phải thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Tổng Công ty đang làm việc với Công ty mẹ về phương án di dời và Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định đã có Công văn đề nghị các bên liên quan phối hợp, tạo điều kiện cho Tổng Công ty thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá.

(**) Đây là chi phí xây dựng Nhà máy May Yên Bình tại Xã Yên Bình, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định. Hiện nay, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định đã ban hành quyết định thu hồi khu đất và giao cho Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định thực hiện đấu giá khu đất và tài sản gắn liền trên đất. Tổng Công ty sẽ nhận được một phần khoản tiền thu được từ việc bán đấu giá này khi việc bán đấu giá được hoàn tất. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên đang trong quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản này theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	347.676.135	177.325.001
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.038.488.644	149.277.683
	1.386.164.779	326.602.684

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	10.843.331.182
Tăng trong năm	6.724.736.227
Phân bổ trong năm	(6.807.962.107)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.205.888.020)
	Số dư cuối năm
	8.554.217.282

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	4.763.853.764	-
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	3.280.351.759	1.707.803.130
Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định	1.930.594.360	-
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	-	10.134.547.715
Bên khác		
Kangwal Polyester Co.,Ltd.	7.741.953.000	5.231.702.617
Công ty TNHH Hóa Phẩm Thịnh Phát	6.740.472.640	5.800.542.285
CDI Cotton Distributors Inc	4.252.197.420	-
Các nhà cung cấp khác	20.757.471.965	67.979.885.141
	49.466.894.908	90.854.480.888

Khoản phải trả thương mại đối với bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	133.153.266	26.797.681.045	(26.924.884.883)	5.949.428
Thuế nhập khẩu	-	266.954.271	(266.954.271)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	876.942.418	-	(939.209.698)	(62.267.280)
Thuế thu nhập cá nhân	21.229.350	278.581.761	(309.811.348)	(10.000.237)
Thuế tài nguyên	13.059.280	145.446.332	(144.502.554)	14.003.058
Tiền thuê đất	-	5.750.107.036	(5.750.107.036)	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	(11.000.000)	-
	1.044.384.314	33.249.770.445	(34.346.469.790)	(52.315.031)
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			(72.267.517)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.044.384.314			19.952.486

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay	1.273.832.740	1.616.501.699
Chi phí điện, nước phải trả	2.193.123.908	1.022.002.037
Chi phí khác	-	64.126.512
	3.466.956.648	2.702.630.248

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	496.342.548	480.383.556
Cổ tức phải trả	1.483.905.250	1.496.390.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.322.425.228	5.329.226.261
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	202.920.259	52.900.000
	7.505.593.285	7.358.900.067

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2024		Biến động trong năm		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	441.303.039.816		986.181.402.609	(982.116.527.199)	3.732.287.557	449.100.202.783
Vay dài hạn đến hạn trả	37.858.478.377		47.701.271.260	(47.778.217.796)	1.207.145.837	38.988.677.678
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong 12 tháng	4.412.960.046		3.394.354.843	(4.186.831.887)	30.002.824	3.650.485.826
	483.574.478.239		1.037.277.028.712	(1.034.081.576.882)	4.969.436.218	491.739.366.287

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan				
Vay thành viên Ban Giám đốc	VND	7,2%	-	1.000.000.000
Vay bên liên quan khác	VND	7%	4.626.230.159	1.059.000.000
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	4,2% - 4,95%	86.135.073.705	66.545.284.920
Vay ngân hàng 2	VND	6,25%	78.599.983.791	90.421.933.486
Vay ngân hàng 3	USD	4,0% - 4,4%	24.886.674.000	-
Vay ngân hàng 4	VND	6,4% - 6,4%	62.739.641.316	67.689.181.439
Vay ngân hàng 5	VND	6,5% - 6,6%	51.248.321.842	75.484.359.120
Vay ngân hàng 6	USD	5,5%	7.939.979.127	-
Vay ngân hàng 7	USD	7,0%	27.145.028.519	13.065.695.862
Vay ngân hàng 8	USD	5,4% - 5,86%	-	28.648.654.458
Vay ngân hàng 9	VND	6,79% - 8,24%	78.908.498.328	57.042.414.062
Vay ngân hàng 10	VND	9,3%	-	13.908.987.520
Vay nhân viên	VND	6% - 7,2%	26.870.771.996	26.437.528.949
			449.100.202.783	441.303.039.816

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại là 81.311 triệu VND (1/1/2024: 91.356 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Các khoản vay khác không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Vay dài hạn (i)	291.959.427.455	328.138.158.034
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	11.520.794.020	15.656.627.914
	303.480.221.475	343.794.785.948
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(42.639.163.504)	(42.271.438.423)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	260.841.057.971	301.523.347.525

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7,50%	2027	64.999.388.608	64.999.388.608
		LIBOR +			
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	0,7%	2036	134.809.596.862	132.621.772.184
Công ty Cổ phần Dịch vụ					
Thương mại Dệt Nam Định (*)	VND	8,5%	2026	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay thành viên Ban Giám đốc	VND	9%	2024	-	1.000.000.000
Vay bên liên quan khác (*)	VND	9,6%	2027	3.150.000.000	1.500.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 11 (***)	USD	10,1%	2027	51.348.158.590	70.338.297.744
Vay từ ngân hàng 12 (***)	VND	14,3%	2027	28.652.283.395	41.301.125.713
Vay từ ngân hàng 7	USD	5,2%	2024	-	427.573.785
Vay nhân viên	VND	9,6%	2024	-	6.950.000.000
				291.959.427.455	328.138.158.034

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 115.014 triệu VND (1/1/2024: 112.876 triệu VND) (Thuyết minh 11).

(***) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 187.548 triệu VND (1/1/2024: 206.717 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2024			1/1/2024		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	4.427.684.291	777.198.465	3.650.485.826	5.231.169.094	818.209.048	4.412.960.046
Trong vòng hai đến năm năm	8.644.814.921	774.506.727	7.870.308.194	12.551.105.424	1.307.437.556	11.243.667.868
	13.072.499.212	1.551.705.192	11.520.794.020	17.782.274.518	2.125.646.604	15.656.627.914

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	156.399.760.000	92.139.112.037	16.427.084.378	264.965.956.415
Lỗ thuần trong năm	-	-	(135.365.803.991)	(135.365.803.991)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(261.564.912)	(261.564.912)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	156.399.760.000	92.139.112.037	(119.200.284.525)	129.338.587.512
Lỗ thuần trong năm	-	-	(79.971.450.034)	(79.971.450.034)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	156.399.760.000	92.139.112.037	(199.171.734.559)	49.367.137.478

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.639.976	156.399.760.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	Tỷ lệ (%)	31/12/2024 và 1/1/2024	
		Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	53,67	8.394.655	83.946.550.000
Các cổ đông khác	46,33	7.245.321	72.453.210.000
	100,00	15.639.976	156.399.760.000

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	45.201.572.167	47.152.719.167
	54.957.307.167	56.908.454.167

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	261.399	6.610.103.171	16.736	402.556.558
EUR	450	11.724.714	450	11.738.650
		6.621.827.885		414.295.208

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Kaisui – Dệt May	Dừng hoạt động	2024	38.141.390	-
Công ty TNHH Xuân Quyết	Dừng hoạt động	2024	39.376.277	-
Công ty TNHH Thương mại Đức Bồn	Dừng hoạt động	2024	82.768.508	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Dừng hoạt động	2024	2.883.059.365	-
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu và Thương mại Dịch vụ Xuân Hồng	Dừng hoạt động	2024	135.535.654	-
			3.178.881.194	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2024 VND	2023 VND
Bán hàng	1.125.104.232.620	1.177.540.895.561
Dịch vụ gia công	62.225.437.469	104.732.203.458
Cung cấp dịch vụ khác	30.826.277.129	37.360.592.623
Cho thuê bất động sản đầu tư	11.581.353.409	12.149.742.750
	1.229.737.300.627	1.331.783.434.392

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	1.148.571.139.504	1.258.232.240.695
Dịch vụ gia công	61.424.893.589	104.125.009.921
Dịch vụ đã cung ứng	20.761.383.916	28.449.475.337
Bất động sản đầu tư cho thuê	3.579.231.882	3.608.070.878
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.169.647.195)	(21.679.133.939)
	1.229.167.001.696	1.372.735.662.892

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu và cho vay	1.561.684.302	1.975.426.305
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	4.590.697.094	-
Lãi do người mua chậm trả	3.907.116.049	5.039.279.781
Cổ tức được chia	5.415.168.000	2.274.160.000
Khoản hỗ trợ nhận được từ công ty liên kết	712.500.000	1.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.643.552.352	27.533.533.627
	31.830.717.797	37.822.399.713

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	57.155.805.726	59.178.200.043
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.698.284.457	28.965.939.877
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.261.541.190	5.603.255.006
	79.115.631.373	93.747.394.926

30. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương nhân viên	3.158.744.136	3.044.285.444
Chi phí vận chuyển	5.329.567.998	5.258.606.684
Chi phí đại lý bán hàng	1.516.761.992	2.430.782.645
Chi phí xuất khẩu	2.226.757.082	2.164.391.747
Chi phí bán hàng khác	1.923.643.226	201.916.737
	14.155.474.434	13.099.983.257

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương nhân viên	9.544.320.645	7.708.596.173
Dự phòng phải thu khó đòi	25.660.262	21.046.594
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.217.513.691	4.213.093.570
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.196.963.284	14.641.397.187
	24.984.457.882	26.584.133.524

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	5.130.563.452	1.111.947.989
Các khoản khác	1.054.676.834	133.356.058
	6.185.240.286	1.245.304.047

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	483.542.615.316	518.377.091.345
Chi phí nhân công	79.117.153.212	106.712.720.295
Chi phí khấu hao và phân bổ	55.177.576.799	56.626.584.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.170.867.504	175.103.329.453
Chi phí khác	32.499.720.733	24.719.271.504
	802.507.933.564	881.538.997.434

34. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(79.971.450.034)	(135.365.803.991)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	(15.994.290.007)	(27.073.160.798)
Chi phí không được khấu trừ thuế	949.224.972	11.821.125.683
Thu nhập không bị tính thuế	1.083.033.600	(454.832.000)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	9.547.049.625	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	4.414.981.810	15.706.867.115
	-	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời	70.960.865.643	14.192.173.129	25.270.480.145	5.054.096.029
Lỗi tính thuế	96.849.911.666	19.369.982.333	74.775.002.619	14.955.000.524
	167.810.777.309	33.562.155.462	100.045.482.764	20.009.096.553

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2028	Đã quyết toán	74.775.002.619
2029	Chưa quyết toán	22.074.909.047
		96.849.911.666

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong năm sau VND
2025	18.245.190.035
2027	4.980.427.481
2029	47.735.248.127
	70.960.865.643

Ngoại trừ khoản chi phí lãi vay và lỗi tính thuế sẽ được khấu trừ trong những năm xác định nêu trên, theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	46.931.903.710	16.613.760.299
Mua hàng hóa và dịch vụ	51.765.789.935	16.438.558.390
Hoàn trả khoản vay	3.758.855.832	3.208.739.710
Chi phí lãi vay	4.562.422.832	4.549.957.195
Lãi vay phát sinh trên khoản cho vay lại từ nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	9.632.143.315	9.194.707.732
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	44.059.776	44.992.776
Mua dịch vụ	8.392.614.474	9.287.197.712
Chi phí lãi vay	869.250.000	935.125.000
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định		
Cổ tức	350.000.000	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.991.700.304	9.098.523.640
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.555.862.879	62.998.805.936
Mua hàng hóa	10.591.138.040	25.951.390.242
Thu nhập khác (rác thải công nghiệp)	12.600.000	24.500.000
Thu nhập lãi trả chậm	429.575.037	889.352.782
Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.296.111.084	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.293.642.054	-
Bán tài sản cố định	17.309.063.842	-
Góp vốn	8.000.000.000	-
Cho vay	200.000.000	-
Thu nhập lãi trả chậm	539.135.286	-
Thu nhập lãi vay	7.276.451	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.854.436.594	11.938.534.364
Mua hàng hóa	3.035.299.000	9.383.840.477
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Cổ tức	5.065.168.000	2.274.160.000
Nhận hỗ trợ	712.500.000	1.000.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	423.086.909.496	458.866.788.882
Mua hàng hóa	362.537.260.444	350.921.570.084
Thu nhập lãi trả chậm	2.928.378.988	4.149.926.999
Thu nhập khác (rác thải công nghiệp)	22.750.000	44.800.000
Thu về thanh lý tài sản	-	227.772.720
Bên liên quan khác		
<i>Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8-3</i>		
<i>- Công ty con trong cùng Tập đoàn</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.508.847.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.324.915.137	-
Thuê tài sản	93.333.334	-
<i>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</i>		
<i>- Công ty con trong cùng Tập đoàn</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.335.251.598	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.323.603.045	-
<i>Công ty Cổ phần May 1 Dệt May Nam Định</i>		
Cung cấp dịch vụ	7.470.470.048	9.203.344.902
Mua hàng hóa	8.053.776.000	9.282.864.100
Bán máy móc, thiết bị	-	44.524.164
<i>Công ty Cổ phần May 5 Dệt May Nam Định</i>		
Bán hàng hóa	1.387.457.232	5.232.627.240
Mua hàng hóa	-	3.896.650.000
Nhận tiền vay	-	2.000.000.000
Hoàn trả khoản vay	-	2.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	12.096.774
<i>Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc</i>		
Nhận tiền vay	-	1.000.000.000
Hoàn trả khoản vay	2.000.000.000	320.000.000
Chi phí lãi vay	180.186.301	190.200.000
<i>Bà Nguyễn Thị Khánh - Phó Tổng Giám đốc</i>		
Tiền thu từ bán cổ phần của một công ty liên kết	3.507.600.000	-
<i>Bà Trần Thị Chi Mai - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	1.500.000.000	1.500.000.000
Chi phí lãi vay	218.856.986	162.000.000
<i>Ông Vũ Ngọc Tú - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	800.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	12.664.110	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<i>Ông Vũ Mạnh Quân - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	2.440.000.000	100.000.000
Hoàn trả khoản vay	100.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	55.852.274	275.410
<i>Bà Trần Thị Đào - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	660.000.000	250.000.000
Hoàn trả khoản vay	250.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	19.765.479	14.229.508
<i>Bà Trần Thị Gái - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	40.000.000	356.000.000
Hoàn trả khoản vay	356.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	737.753	9.130.623
<i>Bà Nguyễn Thị Oanh - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	237.000.000	85.000.000
Hoàn trả khoản vay	85.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	4.479.584	1.702.295
<i>Bà Nguyễn Hải Hà - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	130.000.000	118.000.000
Hoàn trả khoản vay	118.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	5.829.041	1.937.705
<i>Bà Hoàng Thị Tuệ - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	110.000.000	110.000.000
Hoàn trả khoản vay	110.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	4.795.397	2.791.475
<i>Ông Đoàn Anh Đức - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	20.000.000	20.000.000
Hoàn trả khoản vay	20.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	1.440.000	106.521
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Hội đồng Quản trị		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	84.000.000	86.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	60.000.000	62.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	60.000.000	52.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	60.000.000	52.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	60.000.000	52.000.000
Ông Phạm Xuân Trình – Thành viên	60.000.000	52.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	60.000.000	52.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Ban Giám đốc		
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc	440.682.275	413.283.875
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc	-	10.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	353.549.657	343.250.436
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc	-	10.000.000
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	311.791.955	292.737.005
Ban Kiểm soát		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	62.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	37.000.000
Bà Đặng Thanh Huyền – Thành viên Ban Kiểm soát	-	13.000.000
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	24.000.000

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2024 VND	2023 VND
Bù trừ khoản phải trả với khoản nhận hỗ trợ phải thu	712.500.000	1.000.000.000
Lãi tiền gửi nhập gốc	312.000.438	-
Bù trừ khoản phải thu với khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	3.278.379.000
Lãi vay nhập gốc	1.419.884.250	1.089.215.637

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:


 Nguyễn Thị Kim Oanh
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Đinh Thị Thu Hường
 Kế toán trưởng


 Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

